

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN THÀNH CÔNG

VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG VIỆC
PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Ngành: Chính trị học

Mã số: 931.02.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ CHÍNH TRỊ HỌC

HÀ NỘI, năm 2026

Công trình được hoàn thành tại:
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Người hướng dẫn khoa học:

1. GS, TS. Dương Xuân Ngọc

2. TS. Vũ Mạnh Toàn

Phản biện 1: PGS, TS. Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Phản biện 2: PGS, TS. Nguyễn Xuân Phong

Phản biện 3: PGS, TS. Đinh Quang Thành

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện họp tại:
Học viện Khoa học xã hội, số 477 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt,
thành phố Hà Nội.

Vào hồi: 15 giờ 00 phút, ngày 25 tháng 8 năm 2026

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

Thư viện Quốc gia Việt Nam; Thư viện Học viện Khoa học xã hội

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Sự phát triển của công nghệ số, dữ liệu và các nền tảng số đang làm biến đổi phương thức tổ chức sản xuất, tổ chức thị trường và quản trị quốc gia. Kinh tế số mở ra những khả năng mới về tăng năng suất, đổi mới sáng tạo và mở rộng cơ hội phát triển, đồng thời đặt ra các vấn đề về tập trung quyền lực kinh tế, kiểm soát dữ liệu, phân phối lợi ích và bảo vệ chủ quyền quốc gia. Trong bối cảnh đó, vai trò của Nhà nước cần được xem xét trong mối quan hệ giữa thúc đẩy phát triển kinh tế với tổ chức, thực thi quyền lực công và bảo đảm lợi ích của xã hội.

Những biến đổi của kinh tế số không làm thay đổi bản chất và các chức năng cơ bản của Nhà nước, nhưng đặt ra yêu cầu mở rộng nội dung, đổi mới công cụ và phương thức thực hiện vai trò của Nhà nước. Bên cạnh quản lý và điều tiết, Nhà nước cần nâng cao năng lực định hướng phát triển, kiến tạo thể chế, tổ chức thực hiện và điều phối nguồn lực; đồng thời giải quyết những mâu thuẫn giữa khuyến khích đổi mới sáng tạo với bảo đảm an toàn, giữa khai thác dữ liệu với bảo vệ quyền của con người, giữa hội nhập quốc tế với giữ vững chủ quyền và năng lực tự chủ quốc gia. Việc thực hiện những yêu cầu này phụ thuộc vào chất lượng thể chế, cách tổ chức bộ máy, phân công thẩm quyền và quan hệ giữa Nhà nước với thị trường, xã hội.

Ở Việt Nam, phát triển kinh tế số gắn với mục tiêu xây dựng đất nước phát triển, thu nhập cao vào năm 2045, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và đổi mới mô hình phát triển. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng nhấn mạnh yêu cầu “lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính; tạo ra sức sản xuất và phương thức sản xuất mới chất lượng cao, trọng tâm là kinh tế dữ liệu, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn” [67]. Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị đặt mục tiêu quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 30% GDP vào năm 2030 và tối thiểu 50% GDP vào năm 2045 [21]. Những định hướng này đặt ra yêu cầu nâng cao năng lực của Nhà nước trong thể chế hóa chủ trương của Đảng và tổ chức thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế số.

Đặc biệt, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam xác định đổi mới mô hình phát triển trước hết là tạo đột phá về thể chế, đổi mới phương thức tổ chức, quản trị và vận hành quốc gia nhằm hình thành năng lực phát triển mới; lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo quốc gia làm động lực chính. Nghị quyết đồng thời đặt mục tiêu đến năm 2045 hình thành mô hình kinh tế hiệu quả cao, sáng tạo, xanh, tự chủ, bao trùm và hội nhập; trong đó kinh tế số, kinh tế dữ liệu và các không gian phát triển mới trở thành những cấu trúc quan trọng của nền kinh tế [8]. Những định hướng này tiếp tục khẳng định phát triển kinh tế số là một nội dung trung tâm của đổi mới mô hình phát triển và phương thức quản trị quốc gia, qua đó đặt ra yêu cầu cấp thiết phải nghiên cứu một cách hệ thống và toàn diện vai trò của Nhà nước để góp phần thực hiện mục tiêu chuyển đổi sang mô hình phát triển tự cường, sáng tạo, nhân văn, bền vững và hội nhập.

Thực tiễn thời gian qua cho thấy Nhà nước đã giữ vai trò quan trọng trong xây dựng chiến lược, hoàn thiện pháp luật, phát triển hạ tầng số, thúc đẩy chuyển đổi số và

hỗ trợ đổi mới sáng tạo. Theo Cục Thống kê, tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP tăng từ 12,87% năm 2021 lên 14,02% năm 2025 [54]. Tuy nhiên, việc thực hiện vai trò của Nhà nước vẫn còn những hạn chế về khả năng thích ứng của pháp luật, phối hợp giữa các cơ quan, kết nối và khai thác dữ liệu, phát triển công nghệ và nguồn nhân lực, thu hẹp khoảng cách số và bảo đảm an ninh trong môi trường số. Những hạn chế đó đặt ra yêu cầu nghiên cứu sâu hơn quan hệ giữa chất lượng hoạch định chính sách với năng lực tổ chức thực hiện, giữa mục tiêu phát triển với kết quả mà người dân, doanh nghiệp được thụ hưởng.

Về phương diện lý luận, mặc dù đã có nhiều nghiên cứu về kinh tế số, chuyển đổi số và quản trị số, song các nghiên cứu tiếp cận từ chính trị học, đặc biệt là nghiên cứu vai trò của Nhà nước với tư cách chủ thể quyền lực chính trị, chủ thể kiến tạo phát triển và chủ thể tổ chức, điều phối kinh tế số còn tương đối hạn chế. Phần lớn các nghiên cứu hiện nay chủ yếu tiếp cận từ góc độ kinh tế học, quản lý nhà nước, chính sách công, quản trị kinh doanh hoặc công nghệ thông tin; chưa làm rõ đầy đủ bản chất của kinh tế số và sự biến đổi của vai trò của Nhà nước trong điều kiện phát triển mới. Nhiều vấn đề lý luận quan trọng chưa được luận giải đầy đủ như: Bản chất chính trị của kinh tế số; sự biến đổi quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội trong môi trường số; mô hình quản trị quốc gia trong điều kiện dữ liệu và nền tảng số trở thành yếu tố quyền lực mới; yêu cầu đổi mới vai trò của Nhà nước trong việc phát triển kinh tế số; cũng như các thách thức đặt ra đối với năng lực quản trị của Nhà nước trong không gian số. Khoảng trống học thuật đó cho thấy sự cần thiết của một nghiên cứu chuyên sâu từ góc độ chính trị học nhằm làm rõ vai trò của Nhà nước với tư cách là chủ thể quyền lực trung tâm trong tổ chức, điều phối và kiến tạo quá trình phát triển kinh tế số.

Đối với Việt Nam, nghiên cứu này cần làm rõ cơ chế chuyển hóa sự lãnh đạo của Đảng thành hoạt động quản lý, quản trị của Nhà nước; mối quan hệ giữa phân công thẩm quyền, phối hợp liên ngành, liên cấp và trách nhiệm trong tổ chức thực hiện. Đồng thời, cần phân biệt kết quả phát triển kinh tế số với kết quả thực hiện vai trò của Nhà nước, bởi sự phát triển của kinh tế số còn chịu tác động của doanh nghiệp, thị trường, công nghệ và các điều kiện kinh tế, xã hội khác. Đây là cơ sở để xây dựng khung phân tích, đánh giá thực trạng và luận giải những hạn chế từ góc độ thể chế, năng lực nhà nước và quản trị quốc gia.

Từ những cơ sở trên, nghiên cứu đề tài “*Vai trò của Nhà nước trong việc phát triển kinh tế số ở Việt Nam hiện nay*” có ý nghĩa cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn. Luận án hướng đến làm rõ nội dung và phương thức thực hiện vai trò của Nhà nước dưới góc độ Chính trị học; đánh giá thực trạng, phân tích nguyên nhân của những hạn chế; từ đó đề xuất các quan điểm và giải pháp nhằm phát huy vai trò của Nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số và đổi mới mô hình phát triển đất nước.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và đánh giá thực trạng vai trò của Nhà nước trong việc phát triển kinh tế số ở Việt Nam, luận án đề xuất các quan điểm và giải pháp nhằm phát huy vai trò của Nhà nước trong việc phát triển kinh tế số đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Thứ nhất, tổng quan, hệ thống hóa và đánh giá các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến vai trò của Nhà nước trong phát triển kinh tế số; làm rõ những kết quả có thể kế thừa, những vấn đề còn tranh luận và khoảng trống nghiên cứu mà luận án tập trung giải quyết.

Thứ hai, làm rõ cơ sở lý luận, chính trị và thực tiễn về vai trò của Nhà nước trong phát triển kinh tế số; xây dựng khung phân tích và hệ thống tiêu chí đánh giá phù hợp với cách tiếp cận Chính trị học. Đồng thời, nghiên cứu kinh nghiệm của một số quốc gia, rút ra giá trị tham khảo và xác định điều kiện vận dụng đối với Việt Nam.

Thứ ba, phân tích, đánh giá thực trạng thực hiện vai trò của Nhà nước trong phát triển kinh tế số ở Việt Nam theo khung phân tích đã xây dựng; làm rõ kết quả, hạn chế, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra, chú trọng các nguyên nhân từ góc độ thể chế, năng lực nhà nước và quản trị quốc gia.

Thứ tư, phân tích các nhân tố tác động và yêu cầu phát triển trong giai đoạn tới; đề xuất các quan điểm, giải pháp và khuyến nghị nhằm phát huy vai trò của Nhà nước trong phát triển kinh tế số ở Việt Nam, gắn với cơ chế thực hiện và điều kiện bảo đảm.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là vai trò của Nhà nước trong việc phát triển kinh tế số ở Việt Nam hiện nay.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về không gian nghiên cứu: Luận án tập trung nghiên cứu vai trò của Nhà nước trong phát triển kinh tế số ở Việt Nam ở cấp quốc gia, đồng thời sử dụng tư liệu và số liệu của các địa phương để phân tích quá trình tổ chức thực hiện. Kinh nghiệm của Estonia, Hàn Quốc, Singapore, Nhật Bản, Hoa Kỳ và Trung Quốc được nghiên cứu nhằm đối chiếu, so sánh và rút ra giá trị tham khảo phù hợp với điều kiện Việt Nam.

Về thời gian nghiên cứu: Phạm vi nghiên cứu chủ yếu từ năm 2019 đến tháng 8 năm 2026. Năm 2019, thời điểm ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW, được xác định là mốc chính trị, chính sách để xem xét quá trình Việt Nam đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, xây dựng Chính phủ số, phát triển kinh tế số và thúc đẩy đổi mới mô hình tăng trưởng dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Trong phạm vi này, chuỗi số liệu định lượng tập trung chủ yếu ở giai đoạn 2021-2025; các văn bản, thông tin về chính sách và tổ chức thực hiện được cập nhật đến tháng 8 năm 2026. Những tư liệu trước năm 2019 được sử dụng khi cần làm rõ cơ sở lý luận và sự hình thành các định hướng phát triển. Các giải pháp được đề xuất cho giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Về nội dung nghiên cứu: Luận án nghiên cứu vai trò của Nhà nước trong phát triển kinh tế số dưới góc độ Chính trị học, tập trung vào bảy phương diện: (1) Xác lập định hướng chiến lược và mô hình tăng trưởng của kinh tế số; (2) Kiến tạo, điều tiết và hoàn thiện thể chế; (3) Phát triển hạ tầng số và kinh tế dữ liệu quốc gia; (4) Phát triển công nghệ số và thúc đẩy hệ sinh thái đổi mới sáng tạo; (5) Phát triển nguồn nhân lực cho kinh tế số; (6) Bảo đảm phát triển bao trùm và công bằng xã hội; (7) Bảo đảm chủ quyền số và an ninh kinh tế số.

Trong từng phương diện, luận án xem xét việc xác lập định hướng, thể chế hóa, tổ chức thực hiện và kết quả thực hiện vai trò của Nhà nước. Hoạt động của doanh nghiệp, thị

trường và các chủ thể xã hội được phân tích trong mối quan hệ với Nhà nước nhằm làm rõ cơ chế phối hợp, điều kiện và giới hạn thực hiện vai trò của Nhà nước trong phát triển kinh tế số.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về Nhà nước, phát triển kinh tế, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đồng thời, luận án tiếp thu có chọn lọc các lý thuyết chính trị học hiện đại, đặc biệt là lý thuyết nhà nước kiến tạo phát triển, quản trị số và chủ quyền số nhằm làm rõ vai trò của Nhà nước trong việc phát triển kinh tế số ở Việt Nam hiện nay. Luận án vận dụng phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, tiếp cận vai trò của Nhà nước trong việc phát triển kinh tế số như một quá trình vận động lịch sử - xã hội gắn với sự biến đổi của lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, thể chế và cấu trúc quyền lực trong điều kiện chuyển đổi số.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng cách tiếp cận định tính là chủ đạo, kết hợp các phương pháp phân tích và tổng hợp, so sánh chính trị, tiếp cận hệ thống, phân tích chính sách, lịch sử - logic, thống kê mô tả, xử lý số liệu và đánh giá bán định lượng, phỏng vấn sâu, khái quát hóa, phân tích xu hướng và dự báo định tính. Ba nhóm minh chứng được tam giác hóa gồm văn bản chính sách, pháp luật và báo cáo thực thi; số liệu thống kê, dữ liệu hành chính và các bộ chỉ số; phỏng vấn sâu 17 người được lựa chọn có chủ đích từ tháng 3 đến tháng 8 năm 2026. Dữ liệu phỏng vấn được mã hóa PVS01-PVS17, phân tích chủ đề kết hợp mã hóa diễn dịch và quy nạp, dùng để giải thích thực tiễn, không tạo ra kết luận có tính đại diện thống kê.

5. Đóng góp mới về khoa học của luận án

Thứ nhất, luận án góp phần bổ sung cách tiếp cận chính trị học phát triển trong nghiên cứu kinh tế số ở Việt Nam, đặt phát triển kinh tế số trong mối quan hệ với quyền lực chính trị, thể chế, quản trị phát triển và năng lực Nhà nước. Theo cách tiếp cận này, kinh tế số là một không gian phát triển gắn với sự biến đổi phương thức tổ chức, quản trị nền kinh tế - xã hội và quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội. Qua đó, luận án làm rõ yêu cầu nghiên cứu Nhà nước với tư cách chủ thể quyền lực chính trị, chủ thể kiến tạo và điều phối quá trình phát triển kinh tế số.

Thứ hai, luận án góp phần làm rõ sự mở rộng nội dung và đổi mới phương thức thực hiện vai trò của Nhà nước kiến tạo phát triển trong kỷ nguyên số. Luận án luận giải rằng kinh tế số không làm thay đổi bản chất và các chức năng cơ bản của Nhà nước, nhưng đặt ra yêu cầu điều chỉnh nội dung, phạm vi, công cụ và phương thức thực hiện vai trò trước sự phát triển của dữ liệu, công nghệ và nền tảng số. Những yêu cầu này thể hiện ở việc kiến tạo thể chế, điều phối hệ sinh thái số, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm phát triển bao trùm, chủ quyền số và năng lực tự chủ chiến lược quốc gia.

Thứ ba, luận án xây dựng khung phân tích vai trò của Nhà nước trong việc phát triển kinh tế số gồm bảy phương diện, được cụ thể hóa bằng bộ 28 tiêu chí đánh giá. Khung phân tích kết nối nội dung vai trò với quá trình xác lập định hướng, thể chế hóa, tổ chức thực hiện và kết quả thực hiện; đồng thời xem xét mối quan hệ giữa các phương diện trong tổng thể quản trị phát triển. Đóng góp của khung phân tích là cụ thể hóa cách tiếp cận chính trị

học thành công cụ nghiên cứu và đánh giá, tạo sự thống nhất giữa luận giải lý luận, phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp.

Thứ tư, thông qua vận dụng khung phân tích vào thực tiễn Việt Nam, luận án làm rõ những hạn chế trong thực hiện vai trò của Nhà nước gắn với sự thiếu đồng bộ của thể chế, bất cập trong điều phối, phối hợp và năng lực tổ chức thực thi. Kết quả nghiên cứu cho thấy năng lực quản trị phát triển và quản trị số của Nhà nước là vấn đề cần ưu tiên giải quyết để chuyển hóa định hướng, chính sách và nguồn lực thành kết quả phát triển kinh tế số. Phát hiện này bổ sung căn cứ khoa học cho việc đề xuất các quan điểm và giải pháp phát huy vai trò của Nhà nước phù hợp với điều kiện Việt Nam.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận án góp phần bổ sung cơ sở lý luận về vai trò của Nhà nước trong phát triển kinh tế số từ góc độ chính trị học phát triển, gắn với thể chế, quản trị và quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội. Kết quả nghiên cứu có giá trị tham khảo cho việc tiếp tục luận giải sự mở rộng nội dung và đổi mới phương thức thực hiện vai trò của Nhà nước trong điều kiện chuyển đổi số. Đồng thời, luận án góp phần làm rõ mối quan hệ giữa sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và hoạt động thể chế hóa, tổ chức thực hiện của Nhà nước trong phát triển kinh tế số, qua đó bổ sung nhận thức về đặc thù của mô hình phát triển Việt Nam.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Khung phân tích và bộ tiêu chí của luận án có thể được tham khảo để đánh giá việc thực hiện vai trò của Nhà nước, nhận diện kết quả, hạn chế và xác định những nội dung cần ưu tiên trong phát triển kinh tế số. Các phân tích và giải pháp đề xuất cung cấp luận cứ tham khảo cho các cơ quan của Đảng và Nhà nước trong hoạch định chủ trương, chính sách và tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế số, chuyển đổi số và quản trị số. Luận án cũng có thể được sử dụng làm tài liệu phục vụ nghiên cứu, giảng dạy và đào tạo trong lĩnh vực Chính trị học, Quản lý công, Chính sách công, Quản lý nhà nước và các ngành khoa học xã hội liên quan.

7. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo và Phụ lục, luận án được kết cấu thành 04 chương, 15 tiết, cụ thể như sau:

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1.1. Nghiên cứu về vai trò của nhà nước trong việc phát triển kinh tế

1.1.1. Các công trình nước ngoài

Các nghiên cứu nước ngoài về vai trò của nhà nước trong phát triển kinh tế được tiếp cận từ nhiều trường phái lý luận khác nhau.

Thứ nhất, nhóm tiếp cận phê phán nhấn mạnh tính tự chủ tương đối của nhà nước, coi nhà nước không chỉ là công cụ của giai cấp thống trị mà còn là một thiết chế có khả năng định hình và tái cấu trúc các quan hệ xã hội. Các nghiên cứu của Alexis de Tocqueville và Theda Skocpol đã góp phần mở rộng cách tiếp cận về vai trò của nhà

nước trong phát triển.

Thứ hai, nhóm tiếp cận đa nguyên và hậu cấu trúc cho rằng quyền lực không tập trung tuyệt đối vào nhà nước mà được phân bổ giữa nhiều chủ thể khác nhau. Các nghiên cứu của David Truman và Michel Foucault chỉ ra rằng nhà nước ngày càng thực hiện quyền lực thông qua các cơ chế quản trị và điều phối thay vì chỉ bằng quyền lực hành chính truyền thống.

Thứ ba, nhóm nghiên cứu về Nhà nước kiến tạo phát triển tập trung làm rõ vai trò chủ động của nhà nước trong hoạch định chiến lược, xây dựng thể chế và điều phối các nguồn lực phát triển. Các công trình của Chalmers Johnson và một số học giả Trung Quốc cho thấy nhà nước có thể đóng vai trò trung tâm trong thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển quốc gia.

Thứ tư, các nghiên cứu về xã hội hậu công nghiệp và sự “dịch chuyển quyền lực” của Daniel Bell, Alvin Toffler cho thấy tri thức, thông tin và công nghệ đang trở thành nguồn lực chiến lược mới, làm thay đổi phương thức thực thi quyền lực và vai trò của nhà nước trong phát triển.

Thứ năm, các nghiên cứu về vai trò của nhà nước trong phát triển kinh tế tập trung làm rõ chức năng của nhà nước trong nền kinh tế thị trường, từ bảo vệ quyền sở hữu, duy trì pháp luật, cung cấp hàng hóa công và điều tiết vĩ mô đến kiến tạo thể chế, định hướng phát triển, điều phối nguồn lực và phối hợp với khu vực tư nhân. Các công trình của Adam Smith, Keynes, Ahmed và Peter Evans cho thấy hiệu quả phát triển không phụ thuộc đơn thuần vào mức độ can thiệp, mà chủ yếu vào chất lượng thể chế, năng lực quản trị, tính tự chủ và khả năng gắn kết của nhà nước với thị trường và xã hội.

Nhìn chung, các nghiên cứu quốc tế đã cung cấp cơ sở lý luận quan trọng để nhận thức về nhà nước và khẳng định vai trò quan trọng của nhà nước trong phát triển kinh tế. Tuy nhiên, các nghiên cứu này chủ yếu được xây dựng trước khi kinh tế số trở thành một không gian phát triển chủ đạo, hoặc chủ yếu tập trung vào kinh tế công nghiệp và kinh tế tri thức, do đó chưa lý giải đầy đủ vai trò của nhà nước trong điều kiện dữ liệu, nền tảng số và công nghệ số ngày càng giữ vị trí trung tâm.

1.1.2. Các công trình trong nước

Các nghiên cứu trong nước về vai trò của nhà nước trong phát triển kinh tế tập trung vào bốn hướng chủ yếu.

Thứ nhất, các công trình mang tính nền tảng về xây dựng Đảng, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và quản trị quốc gia đã làm rõ mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân; vai trò của Nhà nước trong tổ chức và thực thi quyền lực chính trị; yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo, quản trị và phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

Thứ hai, các công trình nghiên cứu về nhà nước và quyền lực nhà nước đã làm rõ bản chất, chức năng, cơ chế tổ chức và kiểm soát quyền lực nhà nước; đồng thời phân tích yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

Thứ ba, các nghiên cứu về quan hệ Đảng - Nhà nước - Nhân dân và quản trị đa chủ thể đã chỉ ra xu hướng chuyển từ quản lý sang quản trị, từ nhà nước đơn nhất sang sự phối hợp giữa nhà nước, thị trường và xã hội trong phát triển.

Thứ tư, các nghiên cứu về thách thức đối với việc thực hiện vai trò của nhà nước và

quản trị quốc gia hiện đại đã tập trung phân tích yêu cầu đổi mới thể chế, tinh gọn tổ chức bộ máy, phân cấp, phân quyền, kiểm soát quyền lực và nâng cao năng lực quản trị; đồng thời tiếp cận các mô hình nhà nước, chính phủ kiến tạo phát triển và Nhà nước pháp quyền trong bối cảnh chuyển đổi số, hội nhập quốc tế và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Thứ năm, các nghiên cứu về vai trò của nhà nước trong phát triển kinh tế đã tiếp cận từ phương diện lý luận chung trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, vai trò của nhà nước trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội cụ thể, đến vai trò thúc đẩy kinh tế tri thức, công nghệ cao và đổi mới sáng tạo.

Như vậy, các nghiên cứu trong nước đã tạo nền tảng lý luận khá vững chắc về nhà nước và khẳng định vai trò trung tâm của nhà nước trong phát triển kinh tế. Tuy nhiên, phần lớn vẫn tiếp cận trong khuôn khổ quản trị truyền thống, chưa làm rõ đầy đủ sự biến đổi của vai trò nhà nước trong bối cảnh kinh tế số với tư cách là một không gian phát triển mới gắn với dữ liệu, nền tảng số và các hình thức quyền lực mới.

1.2. Nghiên cứu về kinh tế số và phát triển kinh tế số

1.2.1. Các công trình nước ngoài

Các nghiên cứu quốc tế về kinh tế số tập trung vào bốn hướng chủ yếu.

Thứ nhất, nghiên cứu về khái niệm và phạm vi kinh tế số, làm rõ nội hàm, phạm vi và các phương pháp tiếp cận kinh tế số.

Thứ hai, nghiên cứu về tác động của kinh tế số đối với tăng trưởng kinh tế, năng suất lao động, đổi mới sáng tạo và chất lượng phát triển.

Thứ ba, nghiên cứu về khoảng cách số, bất bình đẳng số và các tác động xã hội của quá trình số hóa.

Thứ tư, nghiên cứu về chính sách phát triển kinh tế số, quản trị dữ liệu và các mô hình phát triển kinh tế số ở cấp độ quốc gia.

Nhìn chung, các nghiên cứu quốc tế đã hình thành cơ sở lý luận tương đối toàn diện về kinh tế số. Tuy nhiên, phần lớn tiếp cận từ kinh tế học và chính sách công, chưa phân tích đầy đủ vai trò của nhà nước với tư cách chủ thể quyền lực và kiến tạo phát triển.

1.2.2. Các công trình trong nước

Các nghiên cứu trong nước về kinh tế số và phát triển kinh tế số được triển khai khá đa dạng, tập trung vào bốn hướng chủ yếu.

Thứ nhất, nhóm nghiên cứu về khái niệm, nội hàm và đặc trưng của kinh tế số đã góp phần làm rõ bản chất của kinh tế số như một mô hình phát triển mới dựa trên công nghệ số, dữ liệu và đổi mới sáng tạo. Nhiều công trình đã hệ thống hóa các cách tiếp cận về kinh tế số, xác định các cấu phần cơ bản và bước đầu đề xuất khung phân tích phù hợp với điều kiện Việt Nam.

Thứ hai, nhóm nghiên cứu về thực trạng và tiềm năng phát triển kinh tế số ở Việt Nam tập trung đánh giá các điều kiện, cơ hội và thách thức đối với quá trình phát triển kinh tế số; phân tích vai trò của kinh tế số đối với tăng trưởng kinh tế, đổi mới mô hình phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Thứ ba, nhóm nghiên cứu về đo lường và đánh giá đóng góp của kinh tế số đã bước đầu xây dựng các phương pháp xác định quy mô, tỷ trọng và mức độ đóng góp của

kinh tế số đối với nền kinh tế; đồng thời đề xuất hệ thống chỉ tiêu phục vụ thống kê và hoạch định chính sách.

Thứ tư, nhóm nghiên cứu về chính sách và giải pháp phát triển kinh tế số tập trung vào các vấn đề như hoàn thiện thể chế, phát triển hạ tầng số, dữ liệu số, nguồn nhân lực số, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Tựu chung lại, các nghiên cứu trong nước đã góp phần làm rõ nhiều khía cạnh của kinh tế số và phát triển kinh tế số ở Việt Nam. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu tiếp cận từ góc độ kinh tế học, quản lý nhà nước hoặc chính sách công; chưa làm rõ đầy đủ bản chất chính trị, thể chế và quyền lực của quá trình phát triển kinh tế số; đồng thời chưa nghiên cứu một cách hệ thống vai trò của Nhà nước trong phát triển kinh tế số dưới góc độ Chính trị học.

1.3. Nghiên cứu về vai trò của nhà nước trong việc phát triển kinh tế số

1.3.1. Các công trình nước ngoài

Các nghiên cứu quốc tế về vai trò của Nhà nước trong phát triển kinh tế số chủ yếu tập trung vào các vấn đề như xây dựng chiến lược số quốc gia, phát triển hạ tầng số, quản trị dữ liệu, đổi mới sáng tạo, chính phủ số và điều tiết các nền tảng số.

Một số nghiên cứu tiếp cận Nhà nước như chủ thể kiến tạo và điều phối quá trình chuyển đổi số, nhấn mạnh vai trò của Nhà nước trong việc xây dựng thể chế, tạo lập môi trường đổi mới sáng tạo và phát triển các hệ sinh thái số. Nhiều nghiên cứu của OECD, Ngân hàng Thế giới, ADB và các tổ chức quốc tế đã xây dựng các khung chính sách phát triển kinh tế số, đồng thời đề xuất các bộ chỉ số đánh giá năng lực quản trị số và chính phủ số.

Bên cạnh đó, nhiều công trình tập trung nghiên cứu các vấn đề mới như quản trị dữ liệu, chủ quyền số, an ninh mạng, quản trị nền tảng số, quyền lực thuật toán và tác động của trí tuệ nhân tạo đối với quản trị quốc gia. Các nghiên cứu này cho thấy Nhà nước không chỉ thực hiện chức năng điều tiết truyền thống mà ngày càng đóng vai trò kiến tạo, điều phối và bảo đảm cân bằng giữa đổi mới sáng tạo với an ninh, chủ quyền và lợi ích công cộng.

Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu vẫn tiếp cận từ góc độ chính sách công, quản trị công hoặc kinh tế học; chưa hình thành một khung lý luận hoàn chỉnh về vai trò của Nhà nước trong phát triển kinh tế số dưới góc độ Chính trị học phát triển.

1.3.2. Các công trình trong nước

Các nghiên cứu trong nước về vai trò của Nhà nước trong phát triển kinh tế số xuất hiện ngày càng nhiều cùng với quá trình chuyển đổi số quốc gia.

Nội dung nghiên cứu chủ yếu tập trung vào các vấn đề như hoàn thiện thể chế cho kinh tế số, phát triển chính phủ số, xây dựng hạ tầng số, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phát triển doanh nghiệp công nghệ số, phát triển nguồn nhân lực số và bảo đảm an ninh mạng.

Một số nghiên cứu đã bước đầu đề cập đến vai trò của Nhà nước trong phát triển dữ liệu số, bảo vệ dữ liệu cá nhân, quản trị nền tảng số và xây dựng chủ quyền số quốc gia. Đồng thời, nhiều công trình nhấn mạnh yêu cầu đổi mới phương thức quản trị, nâng cao năng lực nhà nước và xây dựng Nhà nước kiến tạo trong bối cảnh kinh tế số.

Tuy nhiên, nhìn tổng thể, các nghiên cứu hiện nay vẫn còn mang tính phân tán, chủ yếu tiếp cận theo từng lĩnh vực hoặc từng chính sách cụ thể. Chưa có nhiều công trình nghiên cứu một cách hệ thống về vai trò của Nhà nước trong phát triển kinh tế số với tư cách là chủ thể quyền lực chính trị, chủ thể kiến tạo phát triển và chủ thể điều phối

các quan hệ kinh tế - xã hội trong không gian số.

1.4. Đánh giá chung và khoảng trống nghiên cứu

1.4.1. Đánh giá chung về tình hình nghiên cứu

Tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước cho thấy đã có nhiều nghiên cứu liên quan đến Nhà nước, vai trò của Nhà nước trong phát triển kinh tế, kinh tế số, phát triển kinh tế số và một số khía cạnh của vai trò Nhà nước trong phát triển kinh tế số. Các nghiên cứu đã hình thành cơ sở lý luận tương đối phong phú về Nhà nước và phát triển; làm rõ nhiều vấn đề quan trọng liên quan đến kinh tế số; đồng thời cung cấp nhiều luận cứ thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế có giá trị tham khảo.

Tổng quan chỉ ra ba khoảng trống chủ yếu: Thiếu một khung lý luận toàn diện từ góc độ Chính trị học; thiếu cách tiếp cận vai trò của Nhà nước như một chính thể quyền lực, quản trị và kiến tạo phát triển; thiếu nghiên cứu thực tiễn Việt Nam trên một khung phân tích thống nhất.

1.4.2. Những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu

Từ đó, luận án tập trung xây dựng cơ sở lý luận, chính trị, thực tiễn và khung phân tích; đánh giá thực trạng theo bảy phương diện; làm rõ kết quả, hạn chế và nguyên nhân; đề xuất quan điểm, giải pháp.

CHƯƠNG 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN, CHÍNH TRỊ VÀ THỰC TIỄN VỀ VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG VIỆC PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ

2.1. Những vấn đề lý luận về vai trò của nhà nước và phát triển kinh tế số

2.1.1. Những vấn đề lý luận về vai trò của Nhà nước

2.1.1.1. Khái niệm nhà nước

Luận án xác định: Nhà nước là tổ chức quyền lực công đặc biệt của xã hội, được thiết lập trên một lãnh thổ nhất định, có chủ quyền, được tổ chức và vận hành thông qua hệ thống bộ máy chuyên trách nhằm thực thi quyền lực chính trị của giai cấp cầm quyền, ban hành và tổ chức thực hiện pháp luật, quản lý xã hội, duy trì trật tự và điều tiết các quan hệ xã hội trong những điều kiện lịch sử cụ thể.

2.1.1.2. Chức năng cơ bản của nhà nước

Chức năng của Nhà nước là những phương diện hoạt động cơ bản phản ánh bản chất, mục tiêu và nhiệm vụ của Nhà nước trong từng giai đoạn phát triển. Xét ở mức độ khái quát, chức năng của Nhà nước gồm hai nhóm cơ bản: Chức năng đối nội, bao gồm tổ chức và quản lý các lĩnh vực của đời sống xã hội, phát triển kinh tế, bảo đảm an ninh, trật tự và quyền con người; Chức năng đối ngoại, bao gồm bảo vệ chủ quyền quốc gia, mở rộng hợp tác quốc tế và tạo lập môi trường quốc tế thuận lợi cho phát triển. Trong bối cảnh chuyển đổi số, nội dung và phương thức thực hiện các chức năng của Nhà nước đang có những thay đổi quan trọng gắn với dữ liệu, nền tảng số, trí tuệ nhân tạo và các vấn đề quản trị không gian số.

2.1.1.3. Vai trò của nhà nước

Khác với chức năng, vai trò của Nhà nước phản ánh vị thế, trách nhiệm, năng lực và khả năng tác động của Nhà nước đối với một quá trình phát triển cụ thể.

Nếu chức năng trả lời câu hỏi “Nhà nước làm gì?”, thì vai trò trả lời câu hỏi “Nhà nước giữ vị trí gì, có trách nhiệm gì và tác động như thế nào đối với một quá trình phát triển nhất định?”.

Trong luận án này, vai trò của Nhà nước được hiểu là sự thể hiện vị thế, trách nhiệm, năng lực và khả năng tác động của Nhà nước với tư cách là chủ thể quyền lực chính trị trong việc định hướng phát triển, kiến tạo thể chế, điều phối các nguồn lực xã hội và tổ chức thực hiện các mục tiêu phát triển trong những điều kiện lịch sử cụ thể. Theo cách tiếp cận này, nghiên cứu vai trò của Nhà nước không nhằm làm rõ các chức năng chung của Nhà nước, mà tập trung phân tích năng lực và phương thức thực thi quyền lực của Nhà nước đối với một lĩnh vực phát triển cụ thể.

2.1.1.4. Mối quan hệ giữa Nhà nước Việt Nam với các chủ thể khác

Vai trò của Nhà nước được thực hiện thông qua mối quan hệ với các chủ thể khác trong hệ thống chính trị và đời sống xã hội. Đó là mối quan hệ giữa Nhà nước với: Đảng Cộng sản Việt Nam; Nhân dân; Thị trường; Xã hội; Các quốc gia và tổ chức quốc tế; Các chủ thể ngoài nhà nước và các chủ thể xuyên quốc gia. Trong phát triển kinh tế số, các mối quan hệ này ngày càng gắn với các vấn đề dữ liệu, nền tảng số, công nghệ số, chủ quyền số và quản trị toàn cầu.

2.1.2. Những vấn đề lý luận về phát triển kinh tế số

2.1.2.1. Khái niệm kinh tế số

Luận án tiếp cận kinh tế số là một phương thức tổ chức và vận hành nền kinh tế dựa trên dữ liệu, công nghệ số và các nền tảng số, trong đó các hoạt động sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu dùng được thực hiện chủ yếu thông qua môi trường số và kết nối số. Theo đó, kinh tế số không chỉ làm thay đổi phương thức hoạt động kinh tế, mà còn tác động đến quản lý xã hội và vai trò của nhà nước trong quá trình phát triển.

2.1.2.2. Khái niệm phát triển kinh tế số

Phát triển kinh tế số là quá trình chuyển đổi và phát triển nền kinh tế trên cơ sở dữ liệu, công nghệ số và kết nối số, làm thay đổi phương thức tổ chức, vận hành và quản lý nền kinh tế. Quá trình này thể hiện ở các nội dung chủ yếu: Gia tăng vai trò của dữ liệu, công nghệ số và hạ tầng số; Hình thành các mô hình kinh doanh và phương thức tổ chức kinh tế mới; Hoàn thiện thể chế, pháp luật và môi trường quản trị số; Bảo đảm phát triển bền vững, bao trùm và nâng cao chất lượng quản trị quốc gia. Trong quá trình đó, Nhà nước giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc định hướng, kiến tạo và điều phối phát triển.

2.2. Quan điểm, chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế số

Tư duy chiến lược về phát triển kinh tế số được hình thành từ Nghị quyết số 52-NQ/TW năm 2019 về chủ động tham gia Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và tiếp tục được phát triển thông qua hệ thống các nghị quyết chiến lược của Bộ Chính trị khóa XIII như Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 59-NQ/TW về hội nhập quốc tế; Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật; Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 71-NQ/TW về giáo dục và đào

tạo; Nghị quyết số 79-NQ/TW về phát triển kinh tế nhà nước và Nghị quyết số 80-NQ/TW về phát triển văn hóa Việt Nam.

Đặc biệt, Đại hội XIV của Đảng đã xác lập mô hình tăng trưởng mới dựa trên bốn trụ cột gồm kinh tế tri thức, kinh tế số, kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn; đồng thời xác định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực trung tâm của phát triển. Điều này cho thấy kinh tế số đã được đặt ở vị trí trung tâm trong chiến lược phát triển quốc gia của Việt Nam trong giai đoạn mới.

Nếu Đại hội XIV xác lập tầm nhìn phát triển của đất nước trong kỷ nguyên mới, thì Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam đã trực tiếp cụ thể hóa tầm nhìn đó trên các phương diện phát triển lực lượng sản xuất mới, đổi mới phương thức quản trị quốc gia và phát triển kinh tế số.

Nhìn chung, hệ thống quan điểm và chủ trương của Đảng đã hình thành một cấu trúc định hướng chiến lược tương đối toàn diện cho phát triển kinh tế số, tạo cơ sở chính trị quan trọng để Nhà nước xây dựng và triển khai các chính sách phát triển kinh tế số ở Việt Nam hiện nay.

2.3. Những vấn đề lý luận về vai trò của Nhà nước trong việc phát triển kinh tế số

Vai trò của Nhà nước trong việc phát triển kinh tế số là sự thể hiện vị thế, trách nhiệm, năng lực và khả năng tác động của Nhà nước với tư cách là chủ thể quyền lực chính trị trung tâm trong định hướng chiến lược, kiến tạo thể chế, quản trị và điều phối, tạo lập môi trường và điều kiện phát triển, huy động và phân bổ nguồn lực, điều hòa quan hệ Nhà nước - thị trường - xã hội và tổ chức thực hiện mục tiêu phát triển phù hợp với định hướng xã hội chủ nghĩa và lợi ích quốc gia.

Bảy phương diện được xác định từ các cấu phần của kinh tế số, yêu cầu mới đối với Nhà nước và kết quả tổng quan nghiên cứu. Đây không phải là bảy chức năng cơ bản mới hoặc bảy loại năng lực đồng cấp: hai phương diện đầu phản ánh kết quả ở cấp hệ thống; ba phương diện tiếp theo là điều kiện, động lực nền tảng; hai phương diện cuối là mục tiêu và yêu cầu bảo đảm. Xuyên suốt cả bảy phương diện là năng lực hoạch định, thể chế hóa, điều phối nguồn lực, phối hợp, tổ chức thực thi, giám sát và trách nhiệm giải trình.

2.3.1. Xác lập định hướng chiến lược và mô hình tăng trưởng của kinh tế số

Nhà nước giữ vai trò định hướng chiến lược đối với quá trình phát triển kinh tế số thông qua việc xác lập tầm nhìn, mục tiêu, lộ trình và mô hình phát triển phù hợp với điều kiện quốc gia. Vai trò này được thể hiện ở việc hoạch định các chiến lược, chương trình và chính sách phát triển kinh tế số; định hướng chuyển đổi mô hình tăng trưởng dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đồng thời bảo đảm sự thống nhất giữa mục tiêu phát triển kinh tế số với mục tiêu phát triển quốc gia.

2.3.2. Kiến tạo và hoàn thiện thể chế cho kinh tế số

Sự phát triển của kinh tế số đòi hỏi Nhà nước phải xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế phù hợp với các quan hệ kinh tế - xã hội mới phát sinh trong môi trường số. Nhà nước giữ vai trò thiết lập khuôn khổ pháp lý, tạo lập môi trường cạnh tranh lành mạnh, bảo đảm quyền sở hữu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, điều tiết các nền tảng số và xử lý các thất bại của thị trường trong không gian số.

2.3.3. Phát triển hạ tầng số và kinh tế dữ liệu quốc gia

Hạ tầng số và dữ liệu là nền tảng của kinh tế số. Nhà nước giữ vai trò đầu tư, định hướng và điều phối phát triển các hạ tầng số thiết yếu như viễn thông, internet, điện toán đám mây, trung tâm dữ liệu và các nền tảng dữ liệu quốc gia. Đồng thời, Nhà nước có trách nhiệm xây dựng cơ chế quản trị dữ liệu, thúc đẩy chia sẻ dữ liệu và phát triển kinh tế dữ liệu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

2.3.4. Phát triển công nghệ số và thúc đẩy hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

Nhà nước giữ vai trò thúc đẩy nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ số; hỗ trợ hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo; phát triển doanh nghiệp công nghệ số; khuyến khích nghiên cứu và phát triển các công nghệ chiến lược như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, bán dẫn, blockchain và điện toán đám mây. Qua đó góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và năng lực tự chủ công nghệ của quốc gia.

2.3.5. Phát triển nguồn nhân lực cho kinh tế số

Nguồn nhân lực là yếu tố quyết định đối với sự phát triển bền vững của kinh tế số. Nhà nước có vai trò xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực số; đổi mới giáo dục và đào tạo; nâng cao kỹ năng số cho người lao động; phát triển đội ngũ nhân lực công nghệ cao và nâng cao năng lực số của bộ máy nhà nước nhằm đáp ứng yêu cầu của quá trình chuyển đổi số quốc gia.

2.3.6. Bảo đảm phát triển bao trùm và công bằng xã hội trong kinh tế số

Bên cạnh những cơ hội phát triển, kinh tế số cũng làm xuất hiện nguy cơ gia tăng bất bình đẳng và khoảng cách số. Vì vậy, Nhà nước giữ vai trò bảo đảm mọi người dân đều có cơ hội tiếp cận các nguồn lực và thành quả của chuyển đổi số; thu hẹp khoảng cách số giữa các vùng, miền và các nhóm xã hội; đồng thời bảo vệ các nhóm yếu thế trước những tác động tiêu cực của quá trình số hóa.

2.3.7. Bảo đảm chủ quyền số và an ninh kinh tế số

Trong bối cảnh dữ liệu, nền tảng số và công nghệ số ngày càng trở thành nguồn lực chiến lược, Nhà nước có vai trò bảo vệ chủ quyền quốc gia trong không gian số; bảo đảm an ninh mạng, an toàn dữ liệu; phòng chống các nguy cơ phụ thuộc công nghệ; đồng thời nâng cao năng lực tự chủ chiến lược của quốc gia trong điều kiện cạnh tranh công nghệ toàn cầu.

2.4. Tiêu chí đánh giá vai trò của Nhà nước trong việc phát triển kinh tế số

Trên cơ sở kế thừa lý thuyết Nhà nước kiến tạo phát triển, quản trị phát triển, quản trị số và xuất phát từ đặc điểm của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, luận án xây dựng khung tiêu chí đánh giá vai trò của Nhà nước trong việc phát triển kinh tế số tương ứng với bảy phương diện vai trò cơ bản đã được xác định trong khung phân tích lý luận.

Khung đánh giá gồm 28 tiêu chí thành phần tương ứng với bảy phương diện, sử dụng thang 3, 2, 1, 0 và KĐG. Việc xếp mức dựa trên tam giác hóa văn bản, số liệu và phỏng vấn sâu; luận án không cộng cơ học 28 tiêu chí thành một điểm chung và không dùng kết quả tốt ở phương diện này để bù trừ hạn chế ở phương diện khác.

2.5. Kinh nghiệm quốc tế về vai trò của Nhà nước trong việc phát triển kinh tế số và giá trị tham khảo đối với Việt Nam

2.5.1. Kinh nghiệm của một số quốc gia tiêu biểu

Luận án nghiên cứu kinh nghiệm của một số quốc gia tiêu biểu gồm Estonia, Singapore, Hàn Quốc, Nhật Bản, Hoa Kỳ và Trung Quốc. Các quốc gia này mặc dù có sự khác biệt về thể chế và mô hình phát triển, nhưng đều cho thấy vai trò đặc biệt quan trọng của Nhà nước trong việc hoạch định chiến lược số quốc gia, phát triển hạ tầng số, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và xây dựng các cơ chế quản trị dữ liệu, quản trị nền tảng số. Kinh nghiệm quốc tế cũng cho thấy phát triển kinh tế số thành công luôn gắn liền với năng lực thể chế, năng lực điều phối và năng lực thực thi của Nhà nước.

2.5.2. Giá trị tham khảo cho Việt Nam

Kinh nghiệm quốc tế gợi mở cho Việt Nam: Duy trì tầm nhìn chiến lược dài hạn; hoàn thiện thể chế thích ứng; phát triển hạ tầng số và dữ liệu; đầu tư cho công nghệ và đổi mới sáng tạo; phát triển nhân lực số; bảo đảm bao trùm, công bằng và thu hẹp khoảng cách số; bảo đảm chủ quyền số, an ninh kinh tế số và tự chủ công nghệ. Các kinh nghiệm chỉ được tham khảo có chọn lọc, phù hợp với điều kiện chính trị - thể chế Việt Nam, không sao chép mô hình.

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG VIỆC PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ Ở VIỆT NAM VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

3.1. Thực trạng vai trò của Nhà nước trong việc phát triển kinh tế số ở Việt Nam

3.1.1. Xác lập định hướng chiến lược và mô hình tăng trưởng của kinh tế số

Trên cơ sở các chủ trương của Đảng, Nhà nước đã từng bước xác lập định hướng chiến lược phát triển kinh tế số ở tầm quốc gia. Vai trò này được thể hiện thông qua việc ban hành Chương trình Chuyển đổi số quốc gia, Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số, cùng nhiều chương trình hành động nhằm cụ thể hóa các mục tiêu phát triển kinh tế số trong từng giai đoạn.

Một kết quả quan trọng là Nhà nước đã từng bước đưa kinh tế số từ vị trí một lĩnh vực ứng dụng công nghệ trở thành một động lực trung tâm của mô hình tăng trưởng mới. Kinh tế số được gắn với quá trình đổi mới mô hình phát triển, phát triển lực lượng sản xuất mới và hình thành các yếu tố của phương thức sản xuất số dựa trên dữ liệu, công nghệ số và trí tuệ nhân tạo.

Vai trò định hướng chiến lược còn được thể hiện ở việc lượng hóa các mục tiêu phát triển kinh tế số và chuyển hóa các chủ trương chính trị thành chiến lược, chính sách và chương trình hành động cụ thể. Thực tiễn cho thấy, quy mô kinh tế số của Việt Nam tăng nhanh, tỷ trọng kinh tế số trong GDP liên tục gia tăng, từng bước mở rộng mức độ thâm nhập vào các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn tồn tại một số hạn chế.

Thứ nhất, nhận thức về kinh tế số ở một bộ phận cơ quan, địa phương vẫn còn thiên về số hóa hoạt động hoặc ứng dụng công nghệ, chưa thực sự tiếp cận kinh tế số như một quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng và phương thức phát triển mới.

Thứ hai, mặc dù hệ thống định hướng chiến lược tương đối toàn diện nhưng vẫn còn tình trạng phân tán ưu tiên, làm giảm khả năng tập trung nguồn lực cho các đột phá chiến lược.

Thứ ba, năng lực tổ chức thực hiện và điều phối phát triển giữa các địa phương còn chênh lệch đáng kể. Kết quả chuyển đổi số và phát triển kinh tế số giữa các địa phương chưa đồng đều, phản ánh sự khác biệt về năng lực quản trị, nguồn lực và chất lượng thực thi chính sách.

Nhìn chung, vai trò xác lập định hướng chiến lược và mô hình tăng trưởng là một trong những phương diện được thực hiện tốt, đạt kết quả tích cực. Tuy nhiên, khoảng cách giữa hoạch định chiến lược và thực thi chiến lược vẫn là một thách thức lớn đối với quá trình phát triển kinh tế số ở Việt Nam hiện nay.

3.1.2. Kiến tạo, điều tiết và hoàn thiện thể chế cho kinh tế số

Trong những năm gần đây, Nhà nước đã có nhiều nỗ lực trong việc xây dựng và hoàn thiện khung thể chế cho phát triển kinh tế số. Một hệ thống tương đối đầy đủ các đạo luật liên quan đến giao dịch điện tử, viễn thông, công nghiệp công nghệ số, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, thương mại điện tử, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và các lĩnh vực liên quan đã được ban hành hoặc sửa đổi.

Điều này cho thấy Nhà nước đã chuyển từ cách tiếp cận điều chỉnh từng lĩnh vực công nghệ riêng lẻ sang xây dựng một khung thể chế ngày càng toàn diện hơn cho kinh tế số. Đặc biệt, các quy định liên quan đến dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, tài sản số, nền tảng số và đổi mới sáng tạo đã góp phần tạo lập môi trường pháp lý thuận lợi hơn cho sự phát triển của các ngành kinh tế số.

Bên cạnh đó, Nhà nước đã từng bước mở rộng vai trò điều tiết đối với các doanh nghiệp nền tảng, các nền tảng xuyên biên giới và các chủ thể có ảnh hưởng lớn trong không gian số. Các công cụ pháp lý về an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu, thương mại điện tử, quản lý thuế và quản lý nội dung số đã được triển khai nhằm bảo đảm trật tự, an toàn và chủ quyền trong không gian mạng.

Tuy nhiên, thực trạng thể chế cho kinh tế số vẫn còn nhiều hạn chế.

Thứ nhất, vẫn tồn tại khoảng trống thể chế đối với một số mô hình kinh doanh số mới, các hoạt động dựa trên dữ liệu, tài sản số, trí tuệ nhân tạo và các nền tảng xuyên biên giới. Trong nhiều trường hợp, pháp luật chưa theo kịp tốc độ phát triển của công nghệ và thị trường số.

Thứ hai, hệ thống pháp luật vẫn còn tình trạng phân tán, chồng chéo và thiếu đồng bộ. Nhiều quan hệ kinh tế số đồng thời chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau, làm tăng chi phí tuân thủ và gây khó khăn cho thực thi.

Thứ ba, Nhà nước vẫn gặp không ít khó khăn trong điều tiết các doanh nghiệp nền tảng và các chủ thể xuyên biên giới. Các công cụ quản lý hiện hành chủ yếu được thiết kế cho nền kinh tế truyền thống, trong khi các hình thức quyền lực mới dựa trên dữ liệu, thuật toán và nền tảng số chưa được điều chỉnh đầy đủ.

Thứ tư, quá trình điều hòa các xung đột giữa đổi mới sáng tạo và quản lý nhà nước, giữa mở cửa thị trường và bảo vệ chủ quyền số, giữa phát triển kinh tế dữ liệu và bảo vệ dữ liệu cá nhân vẫn còn nhiều thách thức.

Như vậy, Nhà nước đã đạt được những kết quả quan trọng trong việc kiến tạo và hoàn thiện thể chế cho kinh tế số, song hệ thống thể chế vẫn đang trong quá trình hoàn thiện. Khoảng trống thể chế, độ trễ chính sách, chồng chéo pháp luật và hạn chế trong năng lực điều tiết các chủ thể mới của nền kinh tế số vẫn là những vấn đề cần tiếp tục được giải quyết trong thời gian tới.

3.1.3. Phát triển hạ tầng số và kinh tế dữ liệu quốc gia

Trong những năm qua, Nhà nước đã giữ vai trò chủ đạo trong phát triển hạ tầng số quốc gia. Hệ thống hạ tầng viễn thông, internet băng rộng, mạng di động 4G, 5G, trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây và các nền tảng số quốc gia được đầu tư và phát triển mạnh mẽ. Hạ tầng số từng bước trở thành hạ tầng thiết yếu của nền kinh tế và xã hội.

Song song với phát triển hạ tầng số, Nhà nước đã thúc đẩy xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu. Các cơ sở dữ liệu về dân cư, đất đai, doanh nghiệp, bảo hiểm, tài chính và nhiều lĩnh vực khác từng bước được hình thành và kết nối, tạo nền tảng cho phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

Nhà nước cũng từng bước nhận diện dữ liệu như một nguồn lực chiến lược của quốc gia. Nhiều chủ trương, chính sách liên quan đến phát triển kinh tế dữ liệu, quản trị dữ liệu và khai thác dữ liệu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội đã được ban hành.

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy hạ tầng số và dữ liệu quốc gia vẫn còn những hạn chế đáng chú ý. Hạ tầng số giữa các vùng, miền phát triển chưa đồng đều; năng lực lưu trữ, xử lý và khai thác dữ liệu còn hạn chế; tình trạng cát cứ dữ liệu giữa các cơ quan vẫn tồn tại; việc chia sẻ và khai thác dữ liệu còn gặp nhiều khó khăn. Kinh tế dữ liệu mới ở giai đoạn hình thành, chưa thực sự trở thành động lực tăng trưởng quan trọng của nền kinh tế.

Tựu chung lại, Nhà nước đã đạt được những kết quả quan trọng trong phát triển hạ tầng số và dữ liệu quốc gia, song vẫn cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản trị dữ liệu, nâng cao khả năng kết nối và khai thác hiệu quả nguồn lực dữ liệu trong thời gian tới.

3.1.4. Phát triển công nghệ số và thúc đẩy hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

Nhà nước đã từng bước khẳng định vai trò kiến tạo và thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Nhiều chương trình, chính sách hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ số được triển khai; hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia từng bước được hình thành; số lượng doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và các trung tâm đổi mới sáng tạo ngày càng gia tăng.

Các lĩnh vực như trí tuệ nhân tạo, bán dẫn, công nghệ tài chính, blockchain, điện toán đám mây và các công nghệ chiến lược khác bắt đầu nhận được sự quan tâm và hỗ trợ từ Nhà nước. Vai trò của Nhà nước trong việc kết nối các chủ thể của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo như doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học và các quỹ đầu tư từng bước được tăng cường.

Tuy nhiên, năng lực công nghệ nội sinh của Việt Nam vẫn còn hạn chế. Chi cho nghiên cứu và phát triển còn thấp so với nhiều quốc gia trong khu vực; liên kết giữa các chủ thể trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo chưa thực sự hiệu quả; số lượng doanh nghiệp công nghệ có khả năng dẫn dắt thị trường còn ít; khả năng làm chủ các công nghệ lõi và công nghệ chiến lược còn hạn chế.

Thực trạng đó cho thấy vai trò thúc đẩy công nghệ và đổi mới sáng tạo của Nhà nước đã có chuyển biến tích cực nhưng vẫn chưa tạo được những đột phá đủ mạnh để hình thành các năng lực công nghệ chiến lược mang tầm quốc gia.

3.1.5. Phát triển nguồn nhân lực cho kinh tế số

Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách nhằm phát triển nguồn nhân lực số, thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo, nâng cao kỹ năng số cho người lao động và phát triển đội ngũ nhân lực công nghệ cao.

Mạng lưới các cơ sở giáo dục và đào tạo về công nghệ thông tin, khoa học dữ liệu, trí tuệ nhân tạo và các ngành liên quan tiếp tục được mở rộng. Chuyển đổi số trong giáo dục được đẩy mạnh; nhiều nền tảng giáo dục số, học liệu số và mô hình đào tạo mới được triển khai.

Tuy nhiên, chất lượng nguồn nhân lực số vẫn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển kinh tế số. Thiếu hụt nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược vẫn là vấn đề đáng chú ý. Kỹ năng số của lực lượng lao động còn hạn chế; khoảng cách giữa đào tạo và nhu cầu của thị trường lao động vẫn tồn tại. Năng lực số của một bộ phận cán bộ trong hệ thống công quyền cũng chưa theo kịp yêu cầu chuyển đổi số.

Điều đó cho thấy phát triển nguồn nhân lực tiếp tục là một trong những điểm nghẽn quan trọng đối với phát triển kinh tế số ở Việt Nam hiện nay.

3.1.6. Bảo đảm phát triển bao trùm và công bằng xã hội trong kinh tế số

Nhà nước đã quan tâm thúc đẩy tiếp cận số cho người dân, mở rộng dịch vụ công trực tuyến, phát triển hạ tầng số vùng sâu, vùng xa và triển khai nhiều chính sách nhằm thu hẹp khoảng cách số giữa các nhóm dân cư.

Quá trình chuyển đổi số góp phần mở rộng khả năng tiếp cận giáo dục, y tế, dịch vụ công và các cơ hội phát triển kinh tế cho người dân. Nhiều chương trình hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh và các nhóm yếu thế được triển khai.

Tuy nhiên, khoảng cách số vẫn tồn tại giữa các vùng, miền, nhóm dân cư và các địa phương. Mức độ tiếp cận công nghệ, kỹ năng số và khả năng khai thác các cơ hội từ kinh tế số còn có sự khác biệt đáng kể. Bên cạnh đó, sự phát triển của kinh tế số cũng làm xuất hiện những dạng bất bình đẳng mới liên quan đến dữ liệu, kỹ năng số và khả năng tiếp cận các nền tảng số.

Nhìn chung, Nhà nước đã có nhiều nỗ lực trong bảo đảm phát triển bao trùm, song yêu cầu thu hẹp khoảng cách số và bảo đảm công bằng xã hội trong kỷ nguyên số vẫn là thách thức lớn trong thời gian tới.

3.1.7. Bảo đảm chủ quyền số và an ninh kinh tế số

Nhà nước đã từng bước hoàn thiện khung pháp lý và cơ chế quản lý nhằm bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và bảo vệ lợi ích quốc gia trong không gian số.

Nhiều cơ quan, tổ chức chuyên trách về an ninh mạng, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu được thành lập; năng lực phòng, chống tấn công mạng được nâng cao; hệ thống pháp luật về an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu từng bước được hoàn thiện.

Nhà nước cũng đã chủ động triển khai nhiều biện pháp quản lý đối với các nền tảng số xuyên biên giới; tăng cường yêu cầu tuân thủ pháp luật Việt Nam đối với các

doanh nghiệp công nghệ nước ngoài; đồng thời thúc đẩy phát triển các nền tảng số và công nghệ số trong nước nhằm nâng cao năng lực tự chủ quốc gia.

Tuy nhiên, Việt Nam vẫn đang đối mặt với nhiều thách thức liên quan đến phụ thuộc công nghệ, phụ thuộc nền tảng nước ngoài, rủi ro mất an toàn dữ liệu, tấn công mạng và các nguy cơ ảnh hưởng đến chủ quyền số. Năng lực làm chủ các công nghệ lõi còn hạn chế; khả năng điều tiết các nền tảng số xuyên biên giới còn gặp nhiều khó khăn.

Thực trạng đó cho thấy bảo đảm chủ quyền số và an ninh kinh tế số đang trở thành một phương diện quan trọng trong vai trò của Nhà nước đối với phát triển kinh tế số ở Việt Nam hiện nay.

3.1.8. Đánh giá mức độ thực hiện vai trò của Nhà nước trong việc phát triển kinh tế số ở Việt Nam

Kết quả đánh giá 28 tiêu chí cho thấy 07 tiêu chí đạt mức 3, 15 tiêu chí mức 2 và 06 tiêu chí mức 1; không có tiêu chí mức 0 hoặc KĐG. Phương diện xác lập định hướng chiến lược và mô hình tăng trưởng được đánh giá “thực hiện tốt, đạt kết quả tích cực”; bốn phương diện thể chế, hạ tầng - dữ liệu, phát triển bao trùm và chủ quyền - an ninh được đánh giá “thực hiện khá”; hai phương diện công nghệ - đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực ở mức “còn hạn chế”. Điểm nghẽn chủ yếu nằm ở năng lực chuyên hóa định hướng thành thể chế đồng bộ, cơ chế điều phối hiệu quả và kết quả thực thi có thể kiểm chứng.

3.2. Đánh giá chung thực trạng vai trò của Nhà nước trong việc phát triển kinh tế số và những vấn đề đặt ra

3.2.1. Những kết quả đạt được

Nhìn chung, Nhà nước đã đạt nhiều kết quả tích cực trên cả bảy phương diện; nổi bật là năng lực xác lập định hướng chiến lược, xây dựng khuôn khổ pháp lý, phát triển hạ tầng - dữ liệu, mở rộng tiếp cận số, bảo vệ dữ liệu và bảo đảm an ninh mạng.

3.2.2. Những hạn chế và bất cập

Bên cạnh những kết quả đạt được, vai trò của Nhà nước trong việc phát triển kinh tế số vẫn còn nhiều hạn chế.

Thứ nhất, khoảng cách giữa hoạch định chiến lược và tổ chức thực hiện còn khá lớn. Trong khi định hướng phát triển được xác lập tương đối rõ ràng ở cấp Trung ương thì năng lực thực thi ở nhiều bộ, ngành và địa phương vẫn còn chưa đồng đều.

Thứ hai, hệ thống thể chế cho kinh tế số mặc dù đã có bước phát triển nhanh nhưng vẫn tồn tại tình trạng phân tán, chồng chéo, thiếu đồng bộ và còn nhiều khoảng trống pháp lý đối với các mô hình kinh doanh mới, dữ liệu, nền tảng số và trí tuệ nhân tạo. Đồng thời, năng lực điều phối liên ngành và quản trị phát triển còn hạn chế, làm giảm hiệu lực của các chính sách và gia tăng chi phí tuân thủ đối với doanh nghiệp.

Thứ ba, hạ tầng số và dữ liệu quốc gia phát triển chưa đồng đều; khả năng kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu còn thấp; kinh tế dữ liệu chưa phát triển tương xứng với tiềm năng.

Thứ tư, năng lực công nghệ nội sinh và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo còn hạn chế; khả năng làm chủ các công nghệ lõi và công nghệ chiến lược còn thấp.

Thứ năm, chất lượng nguồn nhân lực số chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; thiếu hụt nhân lực công nghệ cao và nhân lực trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược.

Thứ sáu, khoảng cách số giữa các vùng, miền và các nhóm xã hội vẫn còn tồn tại; nguy cơ phát sinh các dạng bất bình đẳng mới trong môi trường số ngày càng rõ nét.

Thứ bảy, năng lực bảo vệ chủ quyền số, quản trị dữ liệu và điều tiết các nền tảng số xuyên biên giới còn gặp nhiều khó khăn; mức độ phụ thuộc vào công nghệ và nền tảng nước ngoài vẫn ở mức cao.

3.2.3. Nguyên nhân của những hạn chế và bất cập

Những hạn chế trong việc thực hiện vai trò của Nhà nước đối với phát triển kinh tế số ở Việt Nam bắt nguồn từ bốn nhóm nguyên nhân chủ yếu.

Thứ nhất, sự phát triển nhanh của dữ liệu, công nghệ, nền tảng số, trí tuệ nhân tạo và các giao dịch xuyên biên giới đã làm xuất hiện nhiều quan hệ mới, vượt trước khả năng thích ứng của các công cụ và thiết chế quản lý truyền thống.

Thứ hai, nhận thức, tư duy phát triển và phương thức thực hiện vai trò của Nhà nước còn chậm đổi mới; kinh tế số đôi khi vẫn được tiếp cận chủ yếu như quá trình ứng dụng công nghệ, trong khi sự chuyển đổi từ quản lý, kiểm soát sang quản trị và kiến tạo phát triển chưa đồng bộ.

Thứ ba, thể chế, năng lực quản trị và các nguồn lực thực thi còn hạn chế, thể hiện ở độ trễ và thiếu đồng bộ của pháp luật, dữ liệu phân tán, cơ chế phối hợp chưa hiệu quả, năng lực số chưa đáp ứng yêu cầu và sự liên kết giữa Nhà nước, doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu, đào tạo còn lỏng lẻo.

Thứ tư, Việt Nam còn phụ thuộc vào công nghệ lõi, nền tảng, tiêu chuẩn và hệ sinh thái dữ liệu do nước ngoài kiểm soát, ảnh hưởng đến năng lực tự chủ chiến lược, chủ quyền số và khả năng điều tiết các nền tảng xuyên biên giới.

Về bản chất, những hạn chế này bắt nguồn từ sự biến đổi của mô hình phát triển trong kỷ nguyên số; sự chậm đổi mới tư duy và phương thức thực hiện vai trò của Nhà nước; những bất cập về thể chế, năng lực quản trị và nguồn lực thực thi; cùng các ràng buộc từ vị thế của Việt Nam trong nền kinh tế số toàn cầu. Trong đó, năng lực kiến tạo, quản trị phát triển và quản trị số của bộ máy nhà nước là yếu tố trung tâm, quyết định khả năng chuyển hóa định hướng chiến lược thành kết quả thực tiễn và bảo đảm phát triển kinh tế số nhanh, bền vững, bao trùm và tự chủ.

3.2.4. Những vấn đề đặt ra từ thực trạng thực hiện vai trò của Nhà nước trong việc phát triển kinh tế số

Thứ nhất, mâu thuẫn giữa phương thức quản trị nhà nước chủ yếu theo ngành, lĩnh vực và địa giới hành chính với phương thức vận hành dựa trên nền tảng, dữ liệu và mạng lưới của kinh tế số.

Thứ hai, khoảng cách giữa định hướng chiến lược, chính sách và thể chế với năng lực tổ chức thực hiện và trách nhiệm của các cơ quan thực thi.

Thứ ba, sự gia tăng quy mô và tỷ trọng của kinh tế số chưa chuyển hóa tương xứng thành đổi mới thực chất mô hình tăng trưởng.

Thứ tư, mâu thuẫn giữa thúc đẩy đổi mới sáng tạo với điều tiết quyền lực của các nền tảng số, bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền lợi của người dân, doanh nghiệp.

Thứ năm, sự phát triển thiếu đồng bộ và liên kết chưa hiệu quả giữa hạ tầng số, dữ

liệu, công nghệ, hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực số.

Thứ sáu, mâu thuẫn giữa xu hướng tập trung nguồn lực, cơ hội và thành quả của kinh tế số vào một số địa phương, doanh nghiệp và nhóm có lợi thế với mục tiêu phát triển bao trùm, công bằng và bền vững.

Thứ bảy, khoảng cách giữa chủ quyền số được xác lập về pháp lý với năng lực làm chủ công nghệ, dữ liệu, hạ tầng và bảo đảm an ninh kinh tế số trong thực tiễn.

CHƯƠNG 4

CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG, QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG VIỆC PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ Ở VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN TỚI

4.1. Các nhân tố tác động đến việc phát huy vai trò của Nhà nước trong việc phát triển kinh tế số ở Việt Nam trong giai đoạn tới

4.1.1. Nhân tố chính trị - tư tưởng: Kỷ nguyên mới, khát vọng phát triển của dân tộc và tầm nhìn chiến lược được xác lập tại Đại hội XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam

Đại hội XIV của Đảng xác lập tầm nhìn phát triển đất nước trong “kỷ nguyên mới”, hướng tới mục tiêu trở thành quốc gia phát triển, thu nhập cao vào năm 2045. Trong bối cảnh đó, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và kinh tế số được xác định là những động lực trung tâm của phát triển. Khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc cùng với tầm nhìn chiến lược của Đảng tạo nền tảng chính trị - tư tưởng quan trọng để Nhà nước tiếp tục phát huy vai trò trong phát triển kinh tế số.

4.1.2. Nhân tố chính trị - tổ chức: Yêu cầu hành động, kỷ luật thực thi và năng lực hiện thực hóa ý chí chính trị trong việc phát triển kinh tế số

Trong điều kiện kinh tế số phát triển nhanh và liên ngành, hiệu quả phát huy vai trò của Nhà nước phụ thuộc ngày càng lớn vào năng lực tổ chức thực hiện, khả năng phối hợp liên ngành, liên cấp và năng lực chuyển hóa các chủ trương, định hướng chiến lược thành kết quả phát triển thực tế. Yêu cầu nâng cao kỷ luật thực thi, hiệu quả điều hành và năng lực tổ chức hành động của toàn bộ hệ thống chính trị sẽ tiếp tục là nhân tố quyết định đối với thành công của phát triển kinh tế số.

4.1.3. Nhân tố thể chế và năng lực quản trị, kiến tạo phát triển của Nhà nước

Sự phát triển của kinh tế số đòi hỏi hệ thống thể chế phải có khả năng thích ứng nhanh với các công nghệ và mô hình kinh doanh mới. Vì vậy, chất lượng thể chế, năng lực quản trị số, năng lực điều phối và năng lực tổ chức thực hiện sẽ tác động trực tiếp đến hiệu quả thực hiện vai trò của Nhà nước trong phát triển kinh tế số.

4.1.4. Nhân tố kinh tế và cấu trúc thị trường số trong yêu cầu phát triển bền vững, bao trùm

Quá trình phát triển kinh tế số làm xuất hiện các động lực tăng trưởng mới dựa trên dữ liệu, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đồng thời làm thay đổi cấu trúc thị trường và các quan hệ kinh tế. Điều này đặt ra yêu cầu Nhà nước phải vừa thúc đẩy tăng trưởng, vừa bảo đảm phát triển bền vững, bao trùm và công bằng xã hội.

4.1.5. Nhân tố quốc tế và xu hướng cạnh tranh công nghệ, kinh tế số toàn cầu

Cạnh tranh công nghệ, dữ liệu và đổi mới sáng tạo giữa các quốc gia ngày càng gay gắt. Hội nhập quốc tế tạo ra nhiều cơ hội tiếp cận công nghệ, nguồn lực và thị trường mới, nhưng đồng thời cũng đặt ra các thách thức liên quan đến chủ quyền số, an ninh kinh tế số và năng lực tự chủ chiến lược quốc gia.

4.1.6. Nhân tố văn hóa - xã hội và nền tảng giá trị trong việc phát triển kinh tế số

Mức độ đồng thuận xã hội, niềm tin của người dân, khả năng thích ứng của hệ giá trị văn hóa và năng lực số của xã hội có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả triển khai các chính sách phát triển kinh tế số. Đồng thời, yêu cầu bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong môi trường số ngày càng trở nên quan trọng.

4.2. Quan điểm phát huy vai trò của Nhà nước trong việc phát triển kinh tế số ở Việt Nam trong giai đoạn tới

4.2.1. Đổi mới tư duy phát huy vai trò của Nhà nước là tiền đề của phát triển kinh tế số

Phát huy vai trò của Nhà nước trong việc phát triển kinh tế số đòi hỏi phải đổi mới tư duy theo hướng chuyển từ quản lý sang quản trị, kiến tạo phát triển; qua đó nâng cao năng lực quản trị nhà nước và hiệu lực tổ chức thực thi trong việc phát triển kinh tế số. Nhà nước cần chuyển mạnh từ mô hình quản lý hành chính truyền thống sang mô hình quản trị và kiến tạo phát triển, trong đó tập trung vào định hướng chiến lược, thiết lập luật chơi, điều phối các nguồn lực và tạo lập môi trường phát triển thuận lợi cho kinh tế số.

4.2.2. Xác lập kinh tế số là động lực trung tâm của mô hình tăng trưởng mới và nền tảng của lực lượng sản xuất mới

Phát huy vai trò của Nhà nước trong việc phát triển kinh tế số phải xuất phát từ nhận thức coi kinh tế số, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực trung tâm của mô hình tăng trưởng mới và là nền tảng của lực lượng sản xuất mới trong kỷ nguyên số. Kinh tế số cần được xác định là một trụ cột chiến lược của mô hình tăng trưởng mới. Nhà nước phải giữ vai trò dẫn dắt quá trình chuyển đổi mô hình phát triển dựa trên dữ liệu, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

4.2.3. Hoàn thiện thể chế và nâng cao năng lực quản trị phát triển là điều kiện quyết định để phát huy vai trò của Nhà nước

Phát huy vai trò của Nhà nước trong việc phát triển kinh tế số phải gắn với hoàn thiện thể chế kinh tế số, coi thể chế và pháp luật là một lợi thế cạnh tranh của quốc gia. Nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống thể chế kinh tế số theo hướng hiện đại, đồng bộ, linh hoạt và có khả năng thích ứng cao; đồng thời coi chất lượng thể chế là một lợi thế cạnh tranh quan trọng của quốc gia trong kỷ nguyên số.

4.2.4. Lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, bảo đảm phát triển kinh tế số bền vững, bao trùm

Phát huy vai trò của Nhà nước trong việc phát triển kinh tế số phải lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, là chủ thể tham gia, thụ hưởng và đồng kiến tạo quá trình phát triển, đồng thời xử lý hài hòa mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội. Nhà nước giữ vai trò kiến tạo môi trường phát triển, còn người dân và doanh nghiệp là chủ thể trực tiếp tham gia và tạo ra giá trị trong nền kinh tế số. Quá trình phát triển cần bảo đảm sự hài hòa giữa Nhà nước, thị trường và xã hội.

4.2.5. Gắn phát triển kinh tế số với bảo đảm chủ quyền số, an ninh kinh tế số và tự chủ chiến lược quốc gia

Phát huy vai trò của Nhà nước trong việc phát triển kinh tế số phải gắn với bảo đảm chủ quyền số, an ninh kinh tế số và nâng cao năng lực tự chủ chiến lược của quốc gia trong kỷ nguyên số. Nhà nước cần bảo đảm chủ quyền dữ liệu, an ninh mạng, an ninh kinh tế số và từng bước nâng cao năng lực làm chủ các công nghệ chiến lược nhằm tăng cường năng lực tự chủ quốc gia trong kỷ nguyên số.

4.3. Giải pháp tiếp tục phát huy vai trò của Nhà nước trong việc phát triển kinh tế số ở Việt Nam trong giai đoạn tới

4.3.1. Nhóm giải pháp đổi mới tư duy, phương thức quản trị và nâng cao năng lực kiến tạo phát triển của Nhà nước trong việc phát triển kinh tế số

Đổi mới tư duy quản trị theo hướng chuyển từ quản lý sang quản trị và kiến tạo phát triển; xây dựng cơ chế điều phối quốc gia đủ mạnh; nâng cao năng lực quản trị số, năng lực điều hành dựa trên dữ liệu và năng lực tổ chức thực hiện trong toàn bộ hệ thống chính trị.

4.3.2. Nhóm giải pháp hoàn thiện định hướng chiến lược và xác lập mô hình tăng trưởng mới trong phát triển kinh tế số

Tiếp tục hoàn thiện chiến lược phát triển kinh tế số; xác lập rõ vai trò trung tâm của kinh tế số trong mô hình tăng trưởng mới; thúc đẩy hình thành các ngành công nghiệp chiến lược và các động lực tăng trưởng mới dựa trên dữ liệu và công nghệ.

4.3.3. Nhóm giải pháp hoàn thiện thể chế kinh tế số và nâng cao năng lực điều tiết của Nhà nước đối với các quan hệ kinh tế - xã hội trong không gian số

Hoàn thiện khung pháp lý đối với dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, tài sản số, nền tảng số và các mô hình kinh doanh mới; mở rộng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox); nâng cao năng lực điều tiết các nền tảng số và các chủ thể xuyên biên giới.

4.3.4. Nhóm giải pháp phát triển hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu và nâng cao năng lực quản trị, làm chủ dữ liệu quốc gia

Đầu tư phát triển hạ tầng số đồng bộ; xây dựng hệ sinh thái dữ liệu quốc gia; thúc đẩy chia sẻ dữ liệu; phát triển kinh tế dữ liệu và nâng cao năng lực quản trị dữ liệu phục vụ phát triển.

4.3.5. Nhóm giải pháp đột phá phát triển công nghệ chiến lược và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia

Tăng đầu tư cho nghiên cứu và phát triển; ưu tiên các công nghệ chiến lược như AI, bán dẫn, blockchain và điện toán đám mây; phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam; thúc đẩy liên kết giữa Nhà nước, doanh nghiệp và các cơ sở nghiên cứu.

4.3.6. Nhóm giải pháp phát triển nguồn nhân lực số, nhân lực công nghệ cao và nâng cao năng lực số của bộ máy nhà nước, doanh nghiệp và xã hội

Đổi mới giáo dục và đào tạo; phát triển nguồn nhân lực số chất lượng cao; nâng cao kỹ năng số cho người lao động; nâng cao năng lực số của đội ngũ cán bộ trong hệ thống công quyền.

4.3.7. Nhóm giải pháp bảo đảm phát triển bao trùm, bền vững, tiến bộ, công

bằng xã hội và phát huy sức mạnh mềm văn hóa trong việc phát triển kinh tế số

Thu hẹp khoảng cách số; mở rộng khả năng tiếp cận các dịch vụ số; phát triển môi trường văn hóa số lành mạnh; phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và sức mạnh mềm quốc gia trong không gian số.

4.3.8. Nhóm giải pháp bảo đảm chủ quyền số, an ninh kinh tế số và nâng cao năng lực tự chủ chiến lược của quốc gia trong kỷ nguyên số

Hoàn thiện hệ thống pháp luật về an ninh mạng và dữ liệu; phát triển các nền tảng số Việt Nam; nâng cao năng lực phòng thủ không gian mạng; thúc đẩy làm chủ các công nghệ chiến lược và giảm phụ thuộc vào các nền tảng công nghệ nước ngoài.

4.3.9. Trọng tâm ưu tiên và tổ chức thực hiện các giải pháp giai đoạn 2026-2030

Trong giai đoạn 2026-2030, việc triển khai các giải pháp cần tập trung vào ba đột phá trọng tâm, gồm nâng cao năng lực điều phối và trách nhiệm giải trình, hoàn thiện thể chế và quản trị dữ liệu, đồng thời tập trung nguồn lực cho công nghệ chiến lược, nhân lực số và năng lực công nghệ nội sinh. Quá trình thực hiện cần được phân theo từng mức độ ưu tiên, gắn với lộ trình, nguồn lực, trách nhiệm của cơ quan chủ trì và cơ chế theo dõi, đánh giá kết quả.

4.4. Một số khuyến nghị

Thứ nhất, đối với Đảng Cộng sản Việt Nam: Tiếp tục hoàn thiện tư duy lý luận về Nhà nước kiến tạo phát triển trong kỷ nguyên số, gắn phát triển kinh tế số với đổi mới mô hình phát triển, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và nâng cao năng lực tự chủ chiến lược quốc gia.

Thứ hai, đối với Quốc hội: Hoàn thiện hệ thống pháp luật về kinh tế số, nghiên cứu xây dựng Luật Kinh tế số và tăng cường giám sát việc thực hiện chính sách, phân bổ và sử dụng nguồn lực.

Thứ ba, đối với Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương: Chuyển mạnh từ quản lý sang quản trị kiến tạo dựa trên dữ liệu, kết quả và trách nhiệm giải trình; xây dựng các chiến lược, chương trình và công cụ về kinh tế số, nhân lực số, chủ quyền số, dữ liệu, công nghệ chiến lược và tăng cường hợp tác quốc tế.

Thứ tư, đối với cộng đồng doanh nghiệp: Tăng đầu tư cho R&D, đổi mới sáng tạo, phát triển nhân lực, làm chủ công nghệ, chuyển đổi số và tham gia đồng kiến tạo chính sách.

Thứ năm, đối với các cơ sở nghiên cứu và cơ sở giáo dục đại học: Đẩy mạnh nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao công nghệ, hợp tác với Nhà nước và doanh nghiệp, đồng thời cung cấp luận cứ khoa học cho hoạch định chính sách.

Thứ sáu, đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức xã hội: Tăng cường phản biện, giám sát, tuyên truyền, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, niềm tin số và sự tham gia của xã hội.

Thứ bảy, đối với các nghiên cứu tiếp theo: Tiếp tục nghiên cứu về quản trị trí tuệ nhân tạo, dữ liệu, nền tảng số, năng lực quản trị số, tự chủ chiến lược số và kinh nghiệm quốc tế.

KẾT LUẬN

Kinh tế số đang làm thay đổi sâu sắc phương thức tổ chức và vận hành của nền kinh tế, đồng thời tạo ra những biến đổi căn bản về mô hình tăng trưởng, phương thức sản xuất,

cấu trúc thị trường và quản trị quốc gia. Trong bối cảnh dữ liệu, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và đổi mới sáng tạo ngày càng trở thành những nguồn lực chiến lược của phát triển, các chức năng cơ bản của Nhà nước không thay đổi, nhưng nội dung, phạm vi, công cụ, quan hệ quyền lực và phương thức thực hiện vai trò của Nhà nước được mở rộng và tái cấu trúc theo những yêu cầu mới. Bên cạnh việc tiếp tục thực hiện các chức năng quản lý và điều tiết, Nhà nước phải phát huy rõ hơn vai trò kiến tạo phát triển, định hướng chiến lược, điều phối các nguồn lực và bảo đảm các điều kiện để kinh tế số phát triển phù hợp với mục tiêu, lợi ích và định hướng phát triển quốc gia. Vì vậy, nghiên cứu vai trò của Nhà nước trong việc phát triển kinh tế số không chỉ có ý nghĩa đối với việc bổ sung lý luận Chính trị học, mà còn có giá trị thực tiễn đối với quá trình đổi mới mô hình phát triển và hiện đại hóa quản trị quốc gia ở Việt Nam trong kỷ nguyên số.

Trên cơ sở kế thừa có chọn lọc các thành tựu nghiên cứu trong và ngoài nước, luận án đã xây dựng và phát triển cơ sở lý luận về vai trò của Nhà nước trong việc phát triển kinh tế số dưới góc độ Chính trị học. Luận án đã luận giải và làm rõ nội hàm của khái niệm vai trò của Nhà nước trong việc phát triển kinh tế số; xây dựng khung phân tích gồm bảy phương diện vai trò của Nhà nước và hệ tiêu chí đánh giá tương ứng, tạo lập một khuôn khổ lý luận thống nhất để nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp. Đây là đóng góp lý luận quan trọng của luận án, góp phần bổ sung cách tiếp cận Chính trị học đối với nghiên cứu phát triển kinh tế số, vốn trước đây chủ yếu được tiếp cận từ kinh tế học, quản trị công hoặc chính sách công.

Dựa trên khung lý luận đó, luận án đã phân tích thực trạng vai trò của Nhà nước trong việc phát triển kinh tế số ở Việt Nam giai đoạn 2019-2026. Trong đó, năm 2019 được xác định là mốc khởi đầu của những định hướng chính trị và chính sách quan trọng về phát triển kinh tế số; các chuỗi số liệu định lượng được sử dụng trong luận án tập trung chủ yếu vào giai đoạn 2021-2025 và được cập nhật đến năm 2026 đối với những số liệu đã được công bố. Kết quả nghiên cứu cho thấy, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước đã từng bước khẳng định vai trò trung tâm trong việc định hướng chiến lược, hoàn thiện thể chế, phát triển hạ tầng số và dữ liệu quốc gia, thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển nguồn nhân lực số, bảo đảm phát triển bao trùm và giữ vững chủ quyền số, an ninh kinh tế số. Đồng thời, luận án cũng chỉ ra rằng những hạn chế được nhận diện trong giai đoạn nghiên cứu không chủ yếu xuất phát từ sự thiếu vắng chủ trương hay định hướng phát triển, mà trước hết nằm ở năng lực tổ chức thực hiện, năng lực quản trị phát triển và quản trị số của Nhà nước; ở khoảng cách giữa yêu cầu phát triển với chất lượng thể chế; giữa tốc độ phát triển của công nghệ với năng lực thích ứng của bộ máy quản trị; cũng như ở mức độ tự chủ còn hạn chế đối với dữ liệu, công nghệ và các nền tảng số chiến lược.

Luận án đã phân tích, dự báo các nhân tố tác động, xác lập hệ thống quan điểm phát huy vai trò của Nhà nước trong việc phát triển kinh tế số ở Việt Nam trong giai đoạn tới, phù hợp với các định hướng lớn của Đại hội XIV của Đảng, Nghị quyết số 19-NQ/TW về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam và các Nghị quyết chiến lược khác. Từ đó, luận án đề xuất tám nhóm giải pháp đồng bộ, gồm một nhóm giải pháp nền tảng, xuyên suốt về đổi mới tư duy và phương thức quản trị, cùng bảy nhóm giải pháp tương ứng với bảy phương diện vai trò của Nhà nước, bảo đảm sự thống nhất giữa cơ sở lý luận, thực trạng và định hướng phát triển đất nước. Điểm nổi bật của luận án là đề xuất một hệ thống chiến lược, chương trình, đề án và công cụ quản trị quốc gia như: Chiến lược phát triển kinh tế số Việt

Nam đến năm 2045; Luật Kinh tế số; Chiến lược quốc gia phát triển nguồn nhân lực số; Chiến lược quốc gia về chủ quyền số và tự chủ chiến lược; Bộ chỉ số năng lực quản trị số quốc gia; Khung đánh giá mức độ tự chủ chiến lược số; Đề án phát triển doanh nghiệp công nghệ số dân tộc dân dất; Cơ chế phát triển thị trường dữ liệu quốc gia và nhiều thiết chế quản trị mới khác.

Một kết luận quan trọng của luận án là, trong điều kiện phát triển hiện nay, phát huy vai trò của Nhà nước không đồng nghĩa với mở rộng sự can thiệp hành chính vào nền kinh tế, mà trước hết là đổi mới phương thức thực thi quyền lực nhà nước theo hướng quản trị và kiến tạo phát triển. Điều đó đòi hỏi Nhà nước chuyển từ tư duy quản lý sang tư duy quản trị; từ điều hành theo kinh nghiệm sang quản trị dựa trên dữ liệu và bằng chứng; từ điều tiết các nguồn lực truyền thống sang điều phối các nguồn lực số; từ quản lý các hoạt động kinh tế sang kiến tạo môi trường phát triển, dẫn dắt đổi mới sáng tạo và hình thành lực lượng sản xuất mới, phương thức sản xuất số và mô hình tăng trưởng mới. Đây là biểu hiện của sự mở rộng nội dung và đổi mới phương thức thực hiện vai trò của Nhà nước dưới tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Mặc dù đã đạt được mục tiêu nghiên cứu đề ra, luận án vẫn còn một số giới hạn. Với cách tiếp cận định tính kết hợp đánh giá bán định lượng, luận án chưa đi sâu kiểm định quan hệ nhân quả và lượng hóa mức độ tác động riêng biệt của từng phương diện vai trò của Nhà nước đối với phát triển kinh tế số. Đây là hướng cần tiếp tục nghiên cứu trong thời gian tới.

Có thể khẳng định rằng, kinh tế số không làm thay đổi các chức năng cơ bản của Nhà nước; nó làm mở rộng nội dung, tái cấu trúc công cụ, quan hệ quyền lực và phương thức thực hiện vai trò của Nhà nước. Đồng thời, kinh tế số đặt ra những yêu cầu mới về năng lực kiến tạo, điều phối, quản trị dữ liệu và bảo vệ chủ quyền quốc gia. Nhà nước đang chuyển từ phương thức quản lý hành chính thiên về mệnh lệnh, kiểm soát sang kết hợp quản lý nhà nước với quản trị và kiến tạo phát triển dựa trên dữ liệu, kết quả và trách nhiệm giải trình. Một Nhà nước có năng lực quản trị hiện đại, kiến tạo phát triển, làm chủ dữ liệu, công nghệ và các nguồn lực số chiến lược sẽ là nhân tố quyết định để định hình mô hình tăng trưởng mới, nâng cao năng lực cạnh tranh và năng lực tự chủ chiến lược của quốc gia. Theo nghĩa đó, phát huy vai trò của Nhà nước trong việc phát triển kinh tế số không chỉ là yêu cầu của phát triển kinh tế, mà còn là yêu cầu của đổi mới mô hình phát triển và hiện đại hóa quản trị quốc gia, góp phần hiện thực hóa khát vọng xây dựng Việt Nam trở thành quốc gia phát triển, có thu nhập cao vào năm 2045 dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam./.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Nguyễn Thành Công. 2026. “Đổi mới tư duy của Nhà nước trong kỷ nguyên số: Từ quản lý sang quản trị, kiến tạo phát triển”, *Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông*, <https://lyluanchinhtrivatruyenthong.vn/doi-moi-tu-duy-cua-nha-nuoc-trong-ky-nguyen-so-tu-quan-ly-sang-quan-tri-kien-tao-phat-trien--p29579.html>. ISSN: 2734-9764.
2. Nguyễn Thành Công. 2026. “Vai trò của Nhà nước trong phát triển phương thức sản xuất số ở Việt Nam hiện nay theo tinh thần đại hội XIV của Đảng”, *Tạp chí Triết học*, số 2 (410), 82-96. ISSN 1011-9833.
3. Nguyễn Thành Công. 2026. “Phát triển phương thức sản xuất số để hiện thực hóa mục tiêu trong kỷ nguyên mới của dân tộc”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, <https://doi.org/10.70786/PTOJ.2026.2275>. ISSN 2525-2607.
4. Nguyễn Thành Công. 2026. “Vai trò của Nhà nước trong đổi mới mô hình tăng trưởng theo tinh thần đại hội XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam”, *Tạp chí Thanh niên nghiên cứu khoa học*, số 93, tháng 3, 60-62. ISSN 2734-9039.
5. Nguyễn Thành Công. 2026. “Vai trò của Nhà nước trong phát triển kinh tế số ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Thanh niên nghiên cứu khoa học*, số 93, tháng 3, 138-140. ISSN 2734-9039.
6. Nguyễn Thành Công. 2026. “Giải pháp nâng cao năng lực quản trị và kiến tạo phát triển của Nhà nước ở Việt Nam trong kỷ nguyên số”, *Tạp chí Nhân lực khoa học xã hội*, số chuyên đề 1, tháng 3, 13-19. ISSN 0866-756X.
7. Nguyễn Thành Công và Phạm Thị Hiền. 2026. Quản trị dựa trên dữ liệu và những vấn đề đặt ra đối với việc nâng cao năng lực Nhà nước trong kỷ nguyên số, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia “Quản trị quốc gia và đào tạo nhân lực quản lý trong kỷ nguyên mới”*, 346-371, Đại học Kinh tế Quốc dân, NXB Dân trí, ISBN: 978-632-00-5079-6.
8. Nguyễn Thành Công. 2026. Khoảng cách phát triển kinh tế số giữa các địa phương ở Việt Nam giai đoạn 2021-2025: Thực trạng và hàm ý chính sách, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia “Kinh tế Việt Nam năm 2025 và triển vọng năm 2026: Thúc đẩy phát triển kinh tế số trong kỷ nguyên mới”*, 428-451, Đại học Kinh tế Quốc dân, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, ISBN: 978-632-615-252-4.
9. Nguyen Thanh Cong, Nguyen Thu Phuong and Pham Thi Hien. 2026. Strategic Technology in Advancing the Green Transition: International Experience and Policy Implications for Viet Nam from a Developmental-State Approach, *Proceedings of The International Conference on Sustainable Development in a Changing Global Economy (SDCGE)*, 1129-1145, Hue Institute for Development Studies, University of Finance - Marketing and Normandie Business School, Economic - Finance Publishing House, ISBN: 978-604-79-6109-2.

10. Nguyễn Thành Công và Nguyễn Thu Phương. 2026. Nâng cao năng lực quản trị và kiến tạo phát triển của nhà nước trong nền kinh tế số ở Việt Nam hiện nay, trong *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: nhà nước kiến tạo phát triển ở việt nam trong bối cảnh phân mảnh toàn cầu*, tập 2, 75-97, Trường Đại học Ngoại thương và Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới, NXB Lao động, ISBN: 978-632-03-1834-6.

11. Dương Xuân Ngọc và Nguyễn Thành Công. 2026. Vai trò của nhà nước kiến tạo đối với phát triển công nghệ chiến lược ở Việt Nam trong bối cảnh phân mảnh toàn cầu, *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: nhà nước kiến tạo phát triển ở việt nam trong bối cảnh phân mảnh toàn cầu*, tập 2, 189-203, Trường Đại học Ngoại thương và Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới, NXB Lao động, ISBN: 978-632-03-1834-6.